

Số: 2544/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất

trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 21.12.2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La về đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 289/TTr-SLĐTBXH ngày 25/11/2022; ý kiến tham gia của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động – TBXH (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX Phường

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Tráng Thị Xuân



KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 02/ 12 /2022 của UBND tỉnh)

Nhằm thực hiện có hiệu quả Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là *Chương trình*) trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ của Chương trình gắn với Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Sơn La lần thứ XV và Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 21.12.2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào công tác giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao mức sống và chất lượng sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; giảm dần khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các khu vực, các địa phương và các nhóm dân cư; từng bước xã hội hóa công tác giảm nghèo và giảm nghèo bền vững trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hỗ trợ có hiệu quả và tạo điều kiện để người nghèo, hộ nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, có việc làm bền vững, tăng thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

- Đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Sơn La lần thứ XV và Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 21.12.2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra.

- Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh trong thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Đầu tư trọng tâm, trọng điểm; phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình đúng quy định tài chính hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Huy động thêm nguồn lực và chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguồn lực đúng mục đích, tập trung, tránh thất thoát, lãng phí.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (*việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin*), nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các địa bàn nghèo

thoát khỏi tình trạng nghèo. Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập tốt cho người nghèo, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

2- Mục tiêu cụ thể đến cuối năm 2025

(1) Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân 3%/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số trên 3%/năm.

(2) Giảm tỷ lệ hộ nghèo của các huyện nghèo 4-5%/năm; có 01 huyện thoát nghèo.

(3) Hỗ trợ thí điểm, phát triển 05 mô hình giảm nghèo (*chăn nuôi, trồng trọt, tiểu thủ công nghiệp, du lịch cộng đồng, mô hình khởi nghiệp/khởi sự kinh doanh*) tạo sinh kế, việc làm bền vững, thu nhập tốt, thích ứng biến đổi khí hậu cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo.

(4) Hỗ trợ kết nối việc làm thành công cho ít nhất 100.000 lao động, trong đó có trên 50% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo ở vùng nghèo, vùng khó khăn. Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

(5) Hỗ trợ đào tạo 16.000 người lao động thuộc các huyện nghèo trong đó đưa 150 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

(6) 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo và lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng, người dân.

(7) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 28%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 80%; Tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60% trong đó có bằng cấp, chứng chỉ là 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: 100% hộ nghèo thiếu hụt về nhà ở trên địa bàn tỉnh, 100% hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở trên địa bàn huyện nghèo được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở; cơ bản xóa nhà tạm, nhà đơn sơ, thiếu kiên cố đối với hộ nghèo của tỉnh.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 75% hộ gia đình sinh sống trên địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật giảm nghèo, kiến thức, kỹ năng, mô hình giảm nghèo hiệu quả thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo*) trên địa bàn tỉnh; ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

- Các huyện nghèo.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh; ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho huyện nghèo.

3. Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2025.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách Trung ương: Dự kiến 1.166,086 tỷ đồng (*Nghị quyết số 56/NQ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ*).

2. Ngân sách địa phương (đối ứng): dự kiến 35 tỷ đồng (*bằng 3% ngân sách Trung ương*).

3. Nguồn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội (cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo): Dự kiến dư nợ tăng trưởng 591 tỷ đồng.

4. Nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội các huyện nghèo

* Nội dung hỗ trợ: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu tại các huyện nghèo (*công trình đầu tư cấp huyện, liên xã*) phục

vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất; các công trình y tế, giáo dục đạt chuẩn quốc gia; các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; công trình thủy lợi phục vụ sản xuất; các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao.

- Công trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng phải bảo đảm các yêu cầu:

+ Công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

+ Công trình cấp huyện phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và dịch vụ, cải thiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

+ Công trình cấp xã và bản phải đảm bảo tính kết nối giữa các bản, giữa các bản với trung tâm xã để hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo.

* Đối tượng: 02 huyện nghèo (*Thuận Châu, Sốp Cộp*) theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

* Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư trọng tâm, trọng điểm và duy tu, bảo dưỡng một số công trình giao thông liên xã trên địa bàn huyện nghèo phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa nhằm tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

*Đối tượng: huyện Thuận Châu.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất.

- Xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận

nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất phù hợp phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 03 năm*), người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*); người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình giảm nghèo nông nghiệp, phi nông nghiệp, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo.

- Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; hỗ trợ một phần giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng.

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

+ Tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo: Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế định hướng thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cam kết bao tiêu sản phẩm; thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 03 năm*), người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (*trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi*).

- Đối tượng:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm cho người lao động.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (*bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng*), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân.

+ Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (*không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người – người tìm việc.

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm.

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

- + Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.
- + Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.
- Đối tượng:
 - + Người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;
 - + Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.
 - + Các Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh.
 - + Cơ quan quản lý Nhà nước các cấp.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² và tiêu chuẩn “3 cứng” (*nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng*); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

- Đối tượng:
 - + Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025 trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.
 - + Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, đảm bảo sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² (*đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²*) và “3 cứng” (*nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng*); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Nội dung hỗ trợ:
 - + Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.
 - + Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (*bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Các huyện nghèo, xã biên giới.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo, phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân tương ái” của dân tộc ta đối với người nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; tổ chức biên soạn, in ấn và phát hành các sản phẩm thông tin, tuyên truyền về các chính sách, nội dung giảm nghèo.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, trợ giúp xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở để tăng cường truyền thông về chính sách, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình.

+ Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (*cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín*), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

+ Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Nội dung thực hiện:

+ Rà soát hộ nghèo, cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (*khi cần thiết*).

+ Cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp theo quy định.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát.

+ Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

VI. CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác giảm nghèo bền vững. Ban hành đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách và các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn tổ chức thực hiện đảm bảo nội dung, nhiệm vụ chương trình và đúng quy định. Hàng năm, cấp

ủy, chính quyền huyện, xã đăng ký mục tiêu giảm nghèo; đưa mục tiêu giảm nghèo vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu các địa phương.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm về các chính sách, chương trình, mục tiêu giảm nghèo đến các cấp, các ngành và các tầng lớp dân cư nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác giảm nghèo. Phát động phong trào thi đua chung tay vì người nghèo, biểu dương, động viên, khen thưởng kịp thời các gương người nghèo, hộ nghèo điển hình thoát nghèo bền vững, các tập thể, cá nhân tích cực tham gia và thực hiện công tác giảm nghèo, góp phần khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phân cấp trao quyền cho địa phương, cơ sở để tạo sự chủ động và nâng cao trách nhiệm trong thực hiện Chương trình. Tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình thực hiện Chương trình từ khâu xác định đối tượng thụ hưởng đến khâu lập kế hoạch, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện đảm bảo tính công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm trong quá trình thực hiện.

4. Nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện công tác giảm nghèo. Phân công trách nhiệm giúp đỡ hộ nghèo, tạo điều kiện và động viên, khuyến khích các hộ tham gia đăng ký thoát nghèo; tập trung các nguồn lực ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn những hộ đăng ký thoát nghèo phát triển sản xuất, có việc làm bền vững, thu nhập ổn định.

5. Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình gắn với sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện. Nêu cao vai trò của cấp cơ sở, đảm bảo sự tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả Chương trình của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và người dân.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan quản lý Chương trình; chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; chủ trì hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng, đề xuất điều chỉnh cơ chế, chính sách trong thực hiện chương trình giảm nghèo đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì hướng dẫn và thực hiện công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì thực hiện Dự án 1; Dự án 2; Dự án 4; Tiểu dự án 2 - Dự án 6; Dự án 7 thuộc Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan tổng hợp Chương trình (*tổng hợp kế hoạch, kinh phí, kết quả thực hiện*) báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh và các Bộ, ngành trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chương trình với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng hợp, xây dựng chỉ tiêu giảm nghèo trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm, hàng năm.

- Chủ trì tổng hợp, thẩm định nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình theo kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm trình UBND tỉnh; tham mưu cân đối, bố trí vốn đối ứng thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển vùng nghèo; tham mưu cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã nghèo, huyện nghèo.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố thực hiện rà soát, thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phương án phân bổ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp đối ứng thực hiện Chương trình phù hợp tình hình thực tiễn địa phương và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 2 (*chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*) thuộc Chương trình.

- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp trong lĩnh vực nông nghiệp. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn vốn của chương trình xây dựng nông thôn mới với chương trình giảm nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế

- Chủ trì thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3 (*Cải thiện dinh dưỡng*) thuộc Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Xây dựng

- Chủ trì thực hiện Dự án 5 (*chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo*) thuộc Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện nghèo.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 6 (*Giảm nghèo về thông tin*) thuộc Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

8. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

9. Báo Sơn La, Đài Phát thanh – Truyền hình

Đẩy mạnh thông tin các chính sách của nhà nước và địa phương về giảm nghèo, thực hiện tốt vai trò và chức năng giám sát, hiến kế cũng như phản biện để hoàn thiện chính sách; truyền thông, phổ biến kinh nghiệm hay, cách làm có hiệu quả để giảm nghèo và nhân rộng mô hình giảm nghèo, giúp người nghèo có động lực khao khát vươn lên thoát nghèo.

10. Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành tỉnh

- Triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi nội dung chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý; chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội gắn với chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của sở, ban, ngành.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

11. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Phát huy vai trò, hiệu quả công tác phối hợp với chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, các dự án thuộc Chương trình. Tăng cường vận động hội viên, đoàn viên, nhân dân tham gia chương trình giảm nghèo và công tác xã hội, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng nông thôn mới; chủ trì triển khai thực hiện một số mô hình giảm nghèo trong hội viên, đoàn viên nghèo.

- Tăng cường huy động nguồn lực từ cộng đồng xã hội để giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng yếu thế trong lao động sản xuất, cải thiện nhà ở, chăm sóc, giúp đỡ người cao tuổi, người khuyết tật có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hàng năm tại địa phương; bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các dự án thuộc Chương trình. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Chương trình giảm nghèo trên địa bàn; ưu tiên các nguồn lực cho công tác giảm nghèo; lồng ghép các nguồn vốn để phát triển kinh tế-xã hội vùng nghèo, vùng khó khăn và thực hiện

mục tiêu giảm nghèo của địa phương. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát.

- Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra, giám sát cấp cơ sở trong thực hiện Chương trình giảm nghèo; báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình triển khai thực hiện Chương trình về cơ quan quản lý Chương trình.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh Sơn La.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội*) để xem xét, giải quyết./.